

QUỐC HỘI

Số 02/99/QH
Ngày 03/04/1999

LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

PHẦN MỘT **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

ĐIỀU 1

Nhiệm vụ của Luật bảo vệ môi trường

Luật bảo vệ môi trường quy định nguyên tắc, biện pháp cần thiết nhằm quản lý, điều tra, khôi phục, cải thiện, giữ gìn, ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra nhằm bảo vệ sức khỏe con người, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và sự phong phú của nó, sử dụng nó phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

ĐIỀU 2

Môi trường

Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên.

Thành phần của môi trường là các yếu tố tạo nên môi trường như: không khí, nước, đất, âm thanh, ánh sáng, lòng đất, núi, rừng, sông, hồ, biển, sinh vật, các hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và cá hình thái vật chất khác.

ĐIỀU 3

Bảo vệ môi trường

Bảo vệ môi trường là hành động góp phần trong việc giữ gìn môi trường trong sạch và đẹp đẽ, không bị ô nhiễm, không bị phá hoại, không gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của người, động vật, thực vật và sự cân bằng của sinh thái.

ĐIỀU 4

Nghĩa vụ bảo vệ môi trường

Nhà nước chỉ đạo và khuyến khích bảo vệ môi trường bằng tuyên truyền, phổ biến thông tin, tạo ý thức và giáo dục cho công dân thấy được tầm quan trọng của môi trường trong đời sống sinh hoạt. Thúc đẩy việc thực hiện chính sách và các quy định về Luật bảo vệ môi trường một cách nghiêm túc. Công dân Lào, người nước ngoài, người không có

quốc tịch và người nước ngoài đang hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Lào đều có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

ĐIỀU 5

Nguyên tắc cơ bản về bảo vệ môi trường

Nguyên tắc cơ bản về bảo vệ môi trường quy định như sau:

1. Phải lấy việc bảo vệ môi trường là chủ yếu, lấy việc khắc phục và khôi phục là quan trọng.
2. Trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải có kế hoạch về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
3. Mọi người, mọi tổ chức và mọi cơ quan ở nước CHDCND Lào phải có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.
4. Người nào gây ra thiệt hại đối với môi trường phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
5. Phải sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu và năng lượng một cách hợp lý, tiết kiệm; giảm bớt ô nhiễm, chất thải nhằm bảo vệ sự phát triển sinh thái và ổn định môi trường.

ĐIỀU 6

Quan hệ và hợp tác quốc tế

Nhà nước khuyến khích quan hệ và hợp tác quốc tế với các tổ chức, thực hiện việc bảo vệ và phát triển môi trường.

PHẦN HAI

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CHƯƠNG I

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐIỀU 7

Bảo vệ môi trường là hành động ngăn cản mọi sự cố sẽ xảy ra hoặc đang xảy ra là nguyên nhân làm cho môi trường và thiên nhiên bị phá hoại hoặc bị suy thoái.

ĐIỀU 8

Đánh giá tác động môi trường

Đánh giá tác động môi trường là quá trình phân tích, đánh giá, dự báo ảnh hưởng đến môi trường; phát sinh từ việc thực hiện các dự án, việc xây dựng các công trình; đề xuất các giải pháp thích hợp về bảo vệ môi trường, thiên nhiên và xã hội.

1. Cơ quan khoa học - công nghệ và môi trường phải lập biện pháp chung về quy trình và giải pháp đánh giá tác động đến môi trường.
2. Các ngành liên quan đến các dự án phát triển và các công trình xây dựng phải lập

biện pháp cụ thể đối với quá trình và giải pháp đánh giá tác động môi trường trên cơ sở biện pháp chung của cơ quan khoa học – công nghệ và môi trường đề ra.

3. Các dự án phát triển và các công trình dự định xây dựng, nếu nhận thấy có ảnh hưởng đến môi trường thì phải báo cáo đánh giá tác động môi trường theo khoản 1 và 2 của Điều này cho cơ quan quản lý xem xét và cấp giấy chứng nhận về môi trường.

4. Dự án, các công trình đã triển khai và đang hoạt động trước ngày có Luật bảo vệ môi trường, nếu gây ảnh hưởng và gây thiệt hại đến môi trường phải lập và trình các biện pháp khắc phục cho cơ quan quản lý và điều tra môi trường xem xét và cấp giấy chứng nhận về môi trường.

5. Đánh giá tác động môi trường phải có sự tham gia của chính quyền địa phương, các cơ quan đoàn thể, các tổ chức và quần chúng nhân dân trong khu vực bị ảnh hưởng do việc thực hiện dự án phát triển và xây dựng công trình.

ĐIỀU 9

Áp dụng công nghệ

Trong sản xuất và hoạt động kinh doanh phải áp dụng công nghệ tiên tiến phù hợp với tình trạng thực tế về kinh tế xã hội và giảm ảnh hưởng tối thiểu đến môi trường, đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật mà các ngành liên quan đặt ra.

Việc nhập hoặc chuyển giao công nghệ liên quan tới việc bảo vệ môi trường, phải được sự đồng ý của ngành liên quan và cơ quan khoa học - công nghệ và môi trường.

ĐIỀU 10

Xây dựng và sửa chữa

Cá nhân và tổ chức hoạt động xây dựng hoặc sửa chữa như: cải tạo đường phố, cầu đường, hệ thống nước máy, mạng điện, mạng viễn thông và các công trình xây dựng khác phải có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các tai nạn có thể xảy ra, giải quyết các sự cố gây ô nhiễm môi trường như: gây khói, bụi, rung động, tiếng ồn, màu sắc, mùi vị, chất thải và các cản trở khác làm sao cho chúng đạt được các tiêu chuẩn cho phép mà cơ quan quản lý môi trường và ngành có liên quan đặt ra.

CHƯƠNG II

PHÒNG NGỪA, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

ĐIỀU 11

Tài nguyên thiên nhiên

Tài nguyên thiên nhiên là sinh vật và vô sinh vật nảy sinh theo tự nhiên như: đất, nước, rừng, đa dạng sinh học, khoáng sản và đá là những nhân tố quan trọng đối với cuộc sống con người cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

ĐIỀU 12

Phân loại tài nguyên thiên nhiên

Tài nguyên thiên nhiên có hai loại như sau:

Tài nguyên thiên nhiên có thể bù đắp được là tài nguyên thiên nhiên không bao giờ cạn kiệt như: đất, nước, đa dạng sinh học nếu được quản lý, bảo tồn, gìn giữ, khai thác và sử dụng đúng mức, hợp lý, theo quy hoạch.

Tài nguyên thiên nhiên không thể bù đắp được là tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt như: khoáng sản, đá nếu được quản lý, khai thác và sử dụng đúng mức, hợp lý, theo quy hoạch thì có thể tồn tại đến thế hệ mai sau.

ĐIỀU 13

Nghĩa vụ trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Mọi tổ chức, mọi cá nhân đều có nghĩa vụ bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Khi thấy hiện tượng xâm hại đến tài nguyên thiên nhiên, phải báo cáo kịp thời cho cơ quan chức năng biết để có biện pháp đề phòng, xử lý và khắc phục.

ĐIỀU 14

Biện pháp quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên

Cá nhân, tổ chức thực hiện việc khai thác, vận chuyển, chế biến hoặc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, phải thực hiện nghiêm chỉnh theo Luật nông nghiệp và các Quy định của các Luật khác có liên quan đến việc khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

ĐIỀU 15

Bảo vệ đa dạng sinh học

Đa dạng sinh học là sự đa dạng của hệ sinh thái, loài giեն và giống của sinh vật như: thực vật, động vật, côn trùng và vi khuẩn ở trong vùng thiên nhiên nào đó.

Cơ quan khoa học công nghệ và môi trường phải lập ra biện pháp và quy tắc chung liên quan đến việc quản lý đa dạng sinh học.

Chính quyền địa phương, các ban ngành có liên quan phải phân vùng, khu vực bảo tồn sinh thái, qui định loài vật hoang dã và không hoang dã để bảo vệ và phát triển loài giống nói trên.

Việc xuất, nhập khẩu loài giեն, giống thực vật, côn trùng và vi sinh vật phải thực hiện theo nguyên tắc và biện pháp đối với việc quản lý đa dạng sinh học.

ĐIỀU 16

Bảo vệ khu bảo tồn, di sản văn hoá, di tích lịch sử và cảnh quan thiên nhiên

Cá nhân, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ hoặc xây dựng công trình, nếu gây ảnh hưởng xấu đến khu bảo tồn, di sản văn hoá, di tích lịch sử và cảnh quan thiên nhiên như: khu di tích cổ, khu di tích văn hoá, khu du lịch, khu danh lam thắng cảnh hoặc rừng bảo tồn phải nghiêm túc thực hiện các quy định, biện pháp mà các Ngành có liên

quan và Chính quyền địa phương đã đặt ra.

CHƯƠNG III

ĐỀ PHÒNG VÀ CHỐNG THIÊN TAI

ĐIỀU 17

Thiên tai

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên hay sự kiện nào đó do thiên nhiên gây ra hoặc do hành vi thiếu ý thức của con người gây thiệt hại nghiêm trọng đến sức khỏe, cuộc sống, tài sản của nhân dân và môi trường như: lũ lụt, hạn hán, hoả hoạn, nứt nẻ, động đất...

ĐIỀU 18

Nghĩa vụ trong việc đề phòng và chống thiên tai

Mọi tổ chức, cá nhân đều có nghĩa vụ đề phòng và chống thiên tai. Khi nhận thấy thiên tai sẽ xảy ra hoặc đang xảy ra phải báo cáo kịp thời cho chính quyền địa phương hoặc tổ chức ở gần đó biết; chính quyền địa phương hoặc tổ chức nói trên phải phối hợp với các ngành khác của nhà nước và xã hội phải tìm mọi giải pháp đề phòng và chống thiên tai nói trên. Đồng thời huy động nhân dân và các cơ quan đoàn thể khác cùng đóng góp công sức, của cải, dụng cụ và phương tiện để đề phòng và chống thiên tai.

Nếu thiên tai xảy ra trong nhiều địa phương gần nhau, cơ quan, chính quyền địa phương liên quan phải phối hợp nhau để tìm giải pháp đề phòng và chống thiên tai một cách nghiêm túc.

ĐIỀU 19

Ủy ban Phòng chống thiên tai Quốc gia

Chính phủ thành lập Ủy ban Phòng chống thiên tai Quốc gia. Ủy ban này phải phối hợp với các ngành và chính quyền địa phương nơi thiên tai sẽ xảy ra, đang xảy ra hoặc đã xảy ra rồi để lập quy hoạch và hoạch định biện pháp đề phòng và chống thiên tai cũng như đề ra biện pháp khắc phục, cải thiện những nơi bị thiên tai. Theo dõi, kiểm tra thường xuyên các vùng hoặc nơi có khả năng xảy ra thiên tai sau này.

PHẦN III

NGĂN CHẶN Ô NHIỄM

CHƯƠNG I

Ô NHIỄM

ĐIỀU 20

Ô nhiễm

Ô nhiễm là trạng thái môi trường có sự biến đổi về vật chất, sinh thái, hoá học và các chất khác, làm tỷ lệ các chất đó pha trộn trong nước, đất, không khí cao hơn tiêu chuẩn môi trường đã quy định; làm cho môi trường bị độc hại, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính

mạng con người, thực vật, động vật và môi trường.

ĐIỀU 21

Loại ô nhiễm

Ô nhiễm bao gồm: Ô nhiễm nước, ô nhiễm đất và ô nhiễm không khí. Các ô nhiễm này do các chất hoá học độc hại, chất phóng xạ phát sinh từ chất thải, từ âm thanh, màu sắc, ánh sáng, mùi vị và từ sự rung động.

Ô nhiễm nước, đất, không khí là tình trạng nước, đất, không khí có sự biến đổi về mặt vật chất, sinh học và hoá học bởi có các chất hoá học hoặc các chất khác pha trộn làm cho các hàm lượng đó tăng cao hơn tiêu chuẩn quy định, gây độc hại và ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ, cuộc sống của người, động thực vật và môi trường.

Ô nhiễm chất thải là ô nhiễm xảy ra từ loại vật chất đang ở trạng thái rắn, lỏng và khí có nguy hại hoặc không nguy hại. Những chất đó không được sử dụng vào quá trình sản xuất cũng như quá trình sinh hoạt xã hội mà pha trộn vào môi trường làm hàm lượng của nó tăng vượt tiêu chuẩn quy định, gây ảnh hưởng xấu đến tình trạng sức khoẻ của con người, động vật, thực vật và môi trường.

Ô nhiễm chất hoá học độc hại là ô nhiễm gây ra từ tỷ lệ chất hoặc chất độc pha trộn trong môi trường cao hơn tiêu chuẩn quy định, gây ra ảnh hưởng xấu đến tình trạng sức khoẻ của con người, động vật, thực vật và môi trường.

Ô nhiễm phóng xạ là ô nhiễm gây ra từ chất phóng xạ, phóng ra lượng chất phóng xạ cao hơn tiêu chuẩn quy định; gây ảnh hưởng xấu đến tình trạng sức khoẻ của con người, động vật, thực vật và môi trường.

Ô nhiễm gây ra từ sự rung động, âm thanh, màu sắc, mùi vị và ánh sáng vượt quá tiêu chuẩn qui định; gây ảnh hưởng xấu đến tình trạng sức khoẻ của con người, động vật, thực vật và môi trường.

CHƯƠNG III

NGHĨA VỤ VÀ BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN

ĐIỀU 22

Nghĩa vụ ngăn chặn ô nhiễm môi trường

Mọi tổ chức, cá nhân đều có nghĩa vụ tham gia vào việc ngăn chặn ô nhiễm môi trường. Đối với người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như: công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủ công hoặc các công trình xây dựng khác nếu gây ô nhiễm môi trường phải áp dụng công nghệ và lắp đặt các thiết bị, dụng cụ nhằm ngăn chặn sự ô nhiễm, không chế nó đạt theo tiêu chuẩn chất lượng quy định của ngành môi trường đặt ra.

ĐIỀU 23

Biện pháp đề phòng và ngăn chặn ô nhiễm

Cơ quan ngăn chặn và điều tra ô nhiễm môi trường phải lập ra các quy tắc và quy

định về tiêu chuẩn chất lượng môi trường đối với việc đề phòng và ngăn chặn ô nhiễm theo chức năng và nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan khác.

Cá nhân hoặc tổ chức khi tiến hành xây dựng công trình, phải đảm bảo đề phòng và ngăn chặn ô nhiễm về nước, đất, không khí, chất thải, hoá chất độc hại, chất phóng xạ, rung động, âm thanh, màu sắc và mùi vị một cách nghiêm túc.

Cấm thải, thoát nước bẩn, nước không đạt tiêu chuẩn chất lượng ra môi trường xung quanh.

Việc sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, lưu giữ hoặc phá huỷ các hoá chất độc hại hoặc chất phóng xạ phải tuân thủ nguyên tắc và quy định của Nhà nước.

Cấm gây ra sự rung động, âm thanh, ánh sáng, màu sắc và mùi vị vượt quá tiêu chuẩn qui định cho phép.

Cấm đổ chất thải bừa bãi, phải qui định khu vực đổ chất thải; chất thải phải được phân loại trước khi đổ, đốt, chôn hoặc phá huỷ trong khu vực đã qui định. Khuyến khích áp dụng công nghệ về sử lý, sản xuất và sử dụng lại các nguyên liệu từ rác thải.

Cấm nhập khẩu, vận chuyển chất thải nguy hiểm qua vùng nước, vùng đất hoặc vùng trời của nước CHDCND Lào.

PHẦN BỐN
KHẮC PHỤC MÔI TRƯỜNG
CHƯƠNG I
KHẮC PHỤC MÔI TRƯỜNG

ĐIỀU 24

Khắc phục vấn đề môi trường

Khắc phục vấn đề môi trường là việc ngăn cản hoặc chống lại dự cố xảy ra của môi trường, cùng với việc sửa chữa, khắc phục hậu quả do sự cố đó gây ra và đưa nó về trạng thái cũ. Biện pháp cụ thể là đạt ra và thực hiện các qui tắc, tiêu chuẩn, chất lượng về môi trường.

ĐIỀU 25

Trách nhiệm khắc phục vấn đề môi trường.

Mọi cá nhân, tổ chức phải tích cực tham gia vào việc khắc phục vấn đề môi trường.

Mọi công dân hoặc tổ chức có quyền đề nghị, khiếu nại, tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật và những hành vi gây hậu quả xấu đến tình trạng sức khoẻ của con người, động vật, thực vật và môi trường.

Những đề nghị, khiếu nại, tố cáo trên được gửi đến chính quyền địa phương hoặc cơ quan quản lý và điều tra môi trường nơi sự cố xảy ra. Chính quyền địa phương hoặc cơ quan quản lý và điều tra môi trường nói trên phải xem xét và giải quyết trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được đơn thư; trường hợp khẩn cấp phải xem xét và giải quyết ngay.

Trường hợp chính quyền địa phương hoặc cơ quan quản lý và điều tra môi trường đã nhận được đơn đề nghị, khiếu nại, tố cáo mà không giải quyết được thì trong vòng 7 ngày phải gửi lên cấp trên của mình để xem xét và giải quyết. Trong vòng 30 ngày đơn đề nghị, khiếu nại, tố cáo nói trên sẽ được phúc đáp và trả lời.

CHƯƠNG II

PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

ĐIỀU 26

Phục hồi môi trường

Phục hồi môi trường là làm cho môi trường bị phá huỷ hoặc suy thoái trở lại trạng thái ban đầu hoặc được cải thiện ngày một tốt lên trong sự cân bằng của hệ sinh thái.

ĐIỀU 27

Nghĩa vụ trong việc phục hồi môi trường.

Mọi cá nhân, tổ chức có nghĩa vụ góp phần tích cực trong việc đóng góp: tri thức, sức người, sức của và các loại vật chất khác vào việc khắc phục và phục hồi môi trường bị phá hoại hoặc suy thoái.

ĐIỀU 28

Phục hồi vùng bị phá hoại do sự cố thiên tai

Mọi cá nhân, tổ chức đang tiến hành hoạt động dịch vụ và sản xuất kinh doanh hoặc xây dựng công trình nào đó nếu gây ra sự cố, phải chịu trách nhiệm khắc phục, phục hồi lại vùng đã bị phá hoại dưới sự giám sát và kiểm tra của cơ quan chính quyền địa phương và các ngành có liên quan.

ĐIỀU 29

Khôi phục di sản văn hoá, di tích lịch sử và cảnh quan thiên nhiên.

Công trình xây dựng và kiến trúc có giá trị về mặt lịch sử nghệ thuật, văn hoá của đất nước phải được giữ gìn, bảo vệ, sửa chữa và phục hồi để duy trì nền văn hoá, nghệ thuật và lịch sử của đất nước.

Những nơi có cảnh quan thiên nhiên và môi trường đẹp, nếu bị ảnh hưởng từ sự cố thiên tai phải được khôi phục và duy trì lại cho mai sau.

PHẦN NĂM

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐIỀU 30

Quỹ bảo vệ môi trường

Nhà nước khuyến khích việc lập quỹ bảo vệ môi trường. Quỹ này được sử dụng vào việc: tuyên truyền, giáo dục, nghiên cứu, ngăn chặn, khôi phục môi trường sinh thái, giữ

gìn, bảo vệ và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

Việc tổ chức và quản lý quỹ bảo vệ môi trường sẽ có qui định riêng.

ĐIỀU 31

Nguồn quỹ bảo vệ môi trường

Quỹ bảo vệ môi trường có được từ các nguồn như:

1. Ngân sách Nhà nước.
2. Dự án phát triển và các công trình xây dựng khác.
3. Sự giúp đỡ của các tổ chức, cơ quan đoàn thể trong và ngoài nước.
4. Sự đóng góp của các cá nhân và các đơn vị kinh doanh.
5. Lãi xuất hoặc lợi nhuận có được từ quỹ.

ĐIỀU 32

Sử dụng quỹ bảo vệ môi trường

Quỹ bảo vệ môi trường được sử dụng vào các công việc sau:

1. Khắc phục vấn đề môi trường khẩn cấp và quan trọng.
2. Dự án khoa học và công nghệ phục vụ việc bảo vệ, điều tra, quản lý và thực hiện các văn bản pháp luật về môi trường.
3. Khuyến khích việc tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện và tạo nhận thức về môi trường.
4. Thúc đẩy phong trào hoạt động bảo vệ môi trường như: ngày môi trường thế giới, ngày trồng cây, ngày thả cá quốc gia...

PHẦN SÁU

QUAN HỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ MÔI TRƯỜNG

ĐIỀU 33

Quan hệ và hợp tác quốc tế về môi trường

Nhà nước khuyến khích quan hệ hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế về việc bảo vệ môi trường, tranh thủ sự giúp đỡ về kinh nghiệm, đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên ngành trong việc nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào việc ngăn chặn, khôi phục và bảo vệ môi trường. Tham gia vào việc thực hiện cũng như ký kết các công ước quốc tế về môi trường.

ĐIỀU 34

Giải quyết hậu quả thiên tai của các nước về môi trường

Hậu quả thiên tai của các nước gây ảnh hưởng xấu đến môi trường của nước CHDCND Lào, phải được giải quyết một cách công bằng, hợp lý trên cơ sở của công ước quốc tế về môi trường mà mỗi nước là thành viên hoặc theo hiệp định được ký kết giữa các nước với nhau.

PHẦN BẢY
QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU TRA MÔI TRƯỜNG

ĐIỀU 35

Cơ quan quản lý và điều tra môi trường

Cơ quan quản lý và điều tra môi trường gồm có:

1. Cơ quan khoa học công nghệ và môi trường.
2. Đơn vị quản lý và điều tra môi trường của Bộ.
3. Đơn vị quản lý và điều tra môi trường của Tỉnh, Thành phố và các Đặc khu.
4. Đơn vị quản lý và điều tra môi trường của Quận, Huyện.
5. Đơn vị quản lý và điều tra môi trường của Phường, Bản..

ĐIỀU 36

Quyền và nhiệm vụ của Cơ quan khoa học công nghệ và môi trường

Cơ quan khoa học công nghệ và môi trường là cơ quan quản lý và điều tra môi trường cấp trung ương có quyền và nhiệm vụ sau:

1. Là cơ quan tham mưu cho Chính phủ trong việc xây dựng và phát triển chiến lược về môi trường; lập kế hoạch, dự án và biện pháp cụ thể để quản lý và điều tra môi trường.
2. Tổ chức thực hiện công việc quản lý và điều tra môi trường; báo cáo thường xuyên tình hình môi trường trong phạm vi cả nước cho Chính phủ.
3. Là trung tâm phối hợp với các ngành, cơ quan, chính quyền địa phương các cấp để tổ chức quản lý và điều tra mọi hoạt động về môi trường.
4. Nghiên cứu, phân tích, tìm ra phương thức ngăn chặn, khắc phục, phục hồi môi trường bằng cách áp dụng những tiến bộ về khoa học kỹ thuật và công nghệ.
5. Theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, dự án phát triển và các biện pháp pháp luật khác về môi trường.
6. Cấp giấy phép hoặc thu hồi giấy phép của tổ chức nào đó tiến hành cung cấp chuyên gia về môi trường.
7. Hướng dẫn cho dự án phát triển và các công trình xây dựng khác làm đánh giá tác động môi trường theo quy định về đánh giá tác động môi trường.
8. Nhận và giải quyết những đề nghị của nhân dân về các vấn đề liên quan đến môi trường.
9. Phối hợp với đơn vị liên quan có thẩm quyền xử lý, đình chỉ, di chuyển hoặc bãi bỏ công trình nào đó gây ảnh hưởng xấu đến tình trạng sức khỏe của con người, động vật, thực vật và môi trường.
10. Xây dựng và nâng cao chất lượng cán bộ chuyên ngành về môi trường. Tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện, tạo cho mọi người có ý thức đối với phong trào bảo vệ môi trường. Phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan và chính quyền địa phương để làm tốt công tác xây dựng phong trào bảo vệ môi trường.

11. Tổ chức phổ biến, tổng hợp và đánh giá hệ thống giữ liệu thông tin về môi trường và tài nguyên thiên nhiên phục vụ việc qui hoạch phát triển kinh tế - xã hội.
12. Quan hệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
13. Thực hiện quyền và các nhiệm vụ khác về môi trường theo sự uỷ thác của Chính phủ hoặc theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 37

Quyền và nghĩa vụ của đơn vị quản lý và điều tra môi trường của Bộ.

Đối với bộ chuyên ngành nếu xét thấy cần thiết tổ chức đơn vị quản lý và điều tra môi trường của mình thì phải phối hợp với cơ quan khoa học công nghệ và môi trường để làm việc.

Cơ quan quản lý và điều tra môi trường của Bộ có quyền và nghĩa vụ hoạt động công việc dưới quyền của ngành mình:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch và biện pháp về bảo vệ môi trường liên quan đến ngành mình dựa vào kế hoạch và biện pháp chung do cơ quan khoa học công nghệ và môi trường đặt ra.
2. Nghiên cứu, phân tích và tìm giải pháp phòng chống, khắc phục và phục hồi môi trường gắn liền với ngành mình trên cơ sở áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ.
3. Giới thiệu cho dự án và các công trình xây dựng thuộc ngành mình làm đánh giá tác động môi trường.
4. Theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện các biện pháp về bảo vệ môi trường.
5. Trình tổ chức có thẩm quyền quyết định việc cải cách, đình chỉ, di chuyển hoặc ngừng thi công công trình nào đó thuộc ngành mình gây ra hậu quả xấu tới tình trạng sức khoẻ của người, động vật, thực vật và môi trường.
6. Báo cáo, tham gia, bàn bạc và trao đổi ý kiến về môi trường với cơ quan khoa học công nghệ và môi trường, với chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để giải quyết vấn đề môi trường.
7. Xây dựng và nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ chuyên ngành về môi trường. Tuyên truyền, giáo dục, tạo ý thức về bảo vệ môi trường cho mọi người trong ngành.
8. Tổ chức, phổ biến, tổng hợp và đánh giá dữ liệu thông tin về môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
9. Quan hệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
10. Thực hiện quyền và các nhiệm vụ khác về bảo vệ môi trường theo sự uỷ thác của Bộ hoặc theo luật pháp đã quy định.

ĐIỀU 38

Đơn vị quản lý và điều tra môi trường Tỉnh, Thành phố và Đặc khu

Tỉnh, thành phố và đặc khu tổ chức đơn vị quản lý và điều tra môi trường của mình phải phối hợp với cơ quan khoa học công nghệ và môi trường để làm việc.

Đơn vị quản lý và điều tra môi trường tỉnh, thành phố và đặc khu có quyền và nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi địa phương của mình như sau:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch và biện pháp về bảo vệ môi trường trong phạm vi tỉnh, thành phố và đặc khu của mình dựa trên kế hoạch và biện pháp chung của cơ quan khoa học công nghệ và môi trường đề ra.

2. Nghiên cứu, phân tích và tìm giải pháp phòng chống, khắc phục và phục hồi môi trường gắn liền với địa phương mình trên cơ sở áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ.

3. Báo cáo, tham gia, bàn bạc và trao đổi ý kiến về môi trường với cơ quan khoa học công nghệ và môi trường, với chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan trong địa phương mình để giải quyết vấn đề môi trường.

4. Theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện pháp lệnh, sắc lệnh và các biện pháp về bảo vệ môi trường.

5. Nhận và giải quyết các đề nghị của nhân dân và các thành phần khác về vấn đề môi trường.

6. Trình tổ chức có thẩm quyền quyết định việc cải cách, đình chỉ, di chuyển hoặc ngừng thi công công trình nào đó thuộc địa phương mình gây ra hậu quả xấu tới tình trạng sức khỏe của người, động vật, thực vật và môi trường.

7. Thu thập, tổng hợp, nghiên cứu, phổ biến dữ liệu thông tin về môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

8. Xây dựng và nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ chuyên ngành về môi trường. Tuyên truyền, giáo dục, tạo ý thức về bảo vệ môi trường cho nhân dân và các thành phần khác.

9. Thực hiện quyền và các nhiệm vụ khác về bảo vệ môi trường theo sự uỷ thác của chủ tịch tỉnh, thành phố và đặc khu hoặc theo quy định của luật pháp.

ĐIỀU 39

Quyền và nghĩa vụ của đơn vị quản lý và điều tra môi trường của Quận, Huyện.

Quận, Huyện tổ chức thành lập đơn vị quản lý và điều tra môi trường của mình phải phối hợp với đơn vị quản lý và điều tra môi trường của tỉnh, thành phố và đặc khu mà mình trực thuộc.

Đơn vị quản lý và điều tra môi trường của quận, huyện có quyền và nhiệm vụ hoạt động công việc trong phạm vi quận, huyện của mình như sau:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện qui hoạch và biện pháp về môi trường trong phạm vi quận, huyện của mình dựa vào quy hoạch và biện pháp về bảo vệ môi trường của tỉnh, thành phố và đặc khu mà mình trực thuộc đề ra.

2. Nghiên cứu, phân tích và tìm giải pháp phòng chống, khắc phục và phục hồi môi trường trong huyện của mình trên cơ sở áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ.

3. Nhận và giải quyết các đề nghị của nhân dân và các thành phần khác về vấn đề môi trường.

4. Theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện pháp lệnh, sắc lệnh và các biện pháp về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo, tham gia, bàn bạc và trao đổi ý kiến về môi trường với đơn vị quản lý và điều tra môi trường của tỉnh, thành phố và đặc khu mà mình trực thuộc, cơ quan, chính quyền địa phương và các ngành có liên quan trong quận, huyện của mình để giải quyết vấn đề môi trường.

6. Trình tổ chức có thẩm quyền quyết định việc cải cách, đình chỉ, di chuyển hoặc ngừng thi công công trình nào đó thuộc quận, huyện của mình gây ra hậu quả xấu tới tình trạng sức khoẻ của người, động vật, thực vật và môi trường.

7. Thu thập, tổng hợp, nghiên cứu, phổ biến dữ liệu thông tin về môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

8. Giáo dục và tạo ý thức hiểu biết về bảo vệ môi trường cho nhân dân và các thành phần khác trong quận, huyện mình.

9. Thực hiện quyền và các nhiệm vụ khác về bảo vệ môi trường theo sự uỷ thác của chủ tịch quận, huyện hoặc theo qui định của pháp luật.

PHẦN TÁM

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ THÀNH TÍCH VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ NGƯỜI VI PHẠM

ĐIỀU 43

Chính sách đối với người có thành tích

Cá nhân hoặc tổ chức có thành tích xuất sắc trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên sẽ được khen thưởng hoặc được hưởng các chế độ ưu tiên do Nhà nước quy định.

ĐIỀU 44

Biện pháp xử lý người vi phạm

Cá nhân hoặc tổ chức vi phạm văn bản pháp quy hoặc các qui định khác về bảo vệ môi trường sẽ bị cảnh cáo, giáo dục, phạt tiền hoặc chịu trách nhiệm hình sự tùy theo mức độ vi phạm nặng hay nhẹ của mình.

ĐIỀU 45

Biện pháp giáo dục

Cá nhân hoặc tổ chức đã vi phạm văn bản pháp luật hoặc quy định khác về bảo vệ môi trường, trong trường hợp vi phạm nhẹ sẽ bị cảnh cáo và giáo dục.

ĐIỀU 46

Biện pháp xử phạt

Cá nhân hoặc tổ chức sẽ bị xử phạt trong các trường hợp sau đây:

1. Người đã bị giáo dục và cảnh cáo mà vẫn tiếp tục vi phạm.
2. Vứt rác hoặc chất thải bừa bãi gây bẩn thỉu và ô nhiễm môi trường xung quanh ảnh hưởng đến cảnh quan sạch đẹp của bản mường.
3. Làm cho chất lượng của đất, nước, không khí bị suy thoái không đạt tiêu chuẩn quy định do môi trường đề ra.
4. Sử dụng hoặc gây ra sự rung động, tiếng ồn, ánh sáng, màu sắc, mùi vị, chất độc hại, chất phóng xạ vượt quá tiêu chuẩn qui định.
5. Không thực hiện theo quy định trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.
6. Từ chối hoặc không hợp tác với nhà chức trách kiểm tra môi trường.

ĐIỀU 47

Trách nhiệm dân sự

Cá nhân hoặc tổ chức vi phạm văn bản pháp qui và cá qui định khác về môi trường gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, tài sản công cộng và tài sản cá nhân thì phải chịu trách nhiệm dân sự trước pháp luật.

ĐIỀU 48

Xử lý hình sự

Cá nhân hoặc tổ chức vi phạm văn bản pháp qui và các quy định khác về môi trường nếu là hình vi vi phạm luật hình sự như: giả mạo giấy phép hoặc giấy chứng nhận môi trường, không thực hiện các qui định về chỉ tiêu chất lượng môi trường hay các hành vi khác dẫn đến chết người, gây thương tật hoặc suy giảm sức khỏe của con người sẽ bị truy cứu theo luật hình sự.

ĐIỀU 49

Hình phạt bổ sung

Ngoài các hình phạt chính đã quy định tại Điều 45, 46, 47 và 48 nói trên, cá nhân hoặc tổ chức đã vi phạm còn có thể chịu hình phạt bổ sung sau: đình chỉ công trình, huỷ bỏ hoặc hồi giấy phép xây dựng công trình; tịch thu dụng cụ, phương tiện đã sử dụng gây ra vi phạm.

PHẦN CHÍN

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

ĐIỀU 50

Tổ chức thi hành

Chính phủ nước CHDCND Lào là người tổ chức thực hiện văn bản pháp luật này.

ĐIỀU 51

Hiệu lực của văn bản

Văn bản pháp luật này có hiệu lực sau 90 ngày kể từ ngày Chủ tịch nước CHDCND Lào công bố Sắc lệnh thi hành.

Mọi quy định trái với văn bản pháp luật này đều bị bãi bỏ./.

Thủ Đô Viêng Chăn, ngày 3/4/1999

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Saman **VINHAKETH**